

THÔNG TIN TUYỂN SINH NĂM 2026 (DỰ KIẾN)

(Hình thức đào tạo: Chính quy)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở đào tạo:

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÂN KHẤU – ĐIỆN ẢNH HÀ NỘI

2. Mã cơ sở đào tạo trong tuyển sinh: SKD

3. Địa chỉ các trụ sở (trụ sở chính, trụ sở cùng tỉnh/TP trực thuộc Trung ương và phân hiệu)

Khu Văn hóa nghệ thuật, phường Phú Diễn, Thành phố Hà Nội

4. Địa chỉ trang thông tin điện tử

skda.edu.vn

5. Địa chỉ công khai quy chế tuyển sinh; thông tin, quy chế thi tuyển sinh (nếu cơ sở đào tạo có tổ chức thi)

<https://skda.edu.vn/2025/04/26/de-an-quy-che-tuyen-sinh-nam-2025/>

6. Số điện thoại liên hệ tuyển sinh: 0243.834.1522

7. Địa chỉ công khai các thông tin về hoạt động của cơ sở đào tạo (chương trình đào tạo; ngành đào tạo; đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý; cơ sở vật chất; quy mô đào tạo; tỷ lệ sinh viên có việc làm; kế hoạch tuyển sinh các ngành, hình thức, trình độ đào tạo ngành...)

Chương trình đào tạo: <https://skda.edu.vn/2025/03/18/chuong-trinh-dao-tao/>

Ngành đào tạo: <https://skda.edu.vn/2025/04/26/danh-muc-nganh-dao-tao/>

Đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý: <https://skda.edu.vn/2025/04/26/danh-sach-doi-ngu-giang-vien/>

Cơ sở vật chất: <https://skda.edu.vn/2025/04/26/co-so-vat-chat-nam-2024/>

Quy mô đào tạo: <https://skda.edu.vn/2025/04/26/quy-mo-dao-tao-nam-2024/>

Tỷ lệ sinh viên có việc làm: <https://skda.edu.vn/2025/04/26/tinh-hinh-viec-lam->

Kế hoạch tuyển sinh các ngành, hình thức, trình độ đào tạo ngành:
<https://skda.edu.vn/2025/04/16/thong-bao-tuyen-sinh-dai-hoc-chinh-quy-nam-2025/>

II. TUYỂN SINH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC, TUYỂN SINH CAO ĐẲNG NGÀNH GIÁO DỤC MẦM NON

1. Đối tượng, điều kiện dự tuyển:

1.1. Theo Quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo:

a) Người dự tuyển được xác định tại thời điểm xét tuyển trước khi công bố kết quả xét tuyển chính thức bao gồm:

- Người đã được công nhận tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT), trung học nghề của Việt Nam hoặc của nước ngoài được công nhận trình độ tương đương với trung học phổ thông (THPT), trung học nghề của Việt Nam do các cơ sở tuyển sinh, đào tạo xác định;

- Người đã có bằng tốt nghiệp trung cấp ngành nghề thuộc cùng nhóm ngành dự tuyển và đã hoàn thành đủ yêu cầu khối lượng kiến thức văn hóa cấp THPT theo quy định của pháp luật;

b) Người dự tuyển phải đáp ứng các điều kiện sau:

- Đạt ngưỡng đầu vào theo quy định của Nhà trường;
- Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành;
- Có đủ thông tin cá nhân, hồ sơ dự tuyển theo quy định.

1.2. Thí sinh dự thi một số ngành/chuyên ngành đặc thù

* Diễn viên kịch, điện ảnh – truyền hình:

- Có độ tuổi từ 17 đến 22. Chiều cao tối thiểu đối với nam: 1m65; nữ: 1m55.
- Người cân đối, không có khuyết tật hình thể. Có tiếng nói tốt, không nói ngọng, nói lắp.

- Thí sinh nữ khi dự thi không mặc áo dài, không mặc váy và không được trang điểm.

* Biên đạo múa, Huấn luyện múa: Đã tốt nghiệp Trung cấp Múa, Cao đẳng Múa.

* Biên đạo múa đại chúng, Huấn luyện múa đại chúng: Đã tốt nghiệp THPT, có năng khiếu nghệ thuật múa, có hình thể đẹp.

2. Mô tả phương thức tuyển sinh (thi tuyển, xét tuyển hoặc kết hợp thi tuyển và xét tuyển...)

Kết hợp kết quả học tập cấp THPT với điểm thi năng khiếu để xét tuyển.

Mã phương thức xét tuyển: 406 (theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo).

Thí sinh tham gia dự thi môn năng khiếu kết hợp xét tuyển điểm học bạ lớp 12 môn Ngữ văn hoặc môn Toán học theo yêu cầu của từng ngành/chuyên ngành đăng ký dự thi. Điểm các môn này phải đáp ứng yêu cầu tối thiểu để hoàn thành chương trình phổ thông (điểm trung bình từ 5.0 trở lên).

3. Quy tắc quy đổi độ lệch điểm ngưỡng đầu vào và điểm trúng tuyển giữa các tổ hợp, phương thức tuyển sinh

3.1. Ngưỡng đầu vào

Theo yêu cầu cụ thể của từng ngành/chuyên ngành đào tạo.

3.2. Điểm trúng tuyển

- Điểm trúng tuyển gồm 2 loại điểm:
- + Điểm thi các môn Năng khiếu chuyên môn (hệ số 2).
- + Tổng điểm: gồm điểm Năng khiếu chuyên môn (hệ số 2) cộng điểm Ngữ văn đối với khối S hoặc Toán học đối với Khối S1, cộng thêm điểm ưu tiên (nếu có) và làm tròn đến 2 số thập phân.

- Theo quy chế tuyển sinh, trường không nhận đơn phúc khảo điểm thi năng khiếu.

3.3. Điều kiện trúng tuyển

Thí sinh đủ điều kiện trúng tuyển khi đáp ứng đầy đủ các tiêu chí sau đây:

- Điểm Năng khiếu chuyên môn đạt từ mức tối thiểu trở lên theo yêu cầu cụ thể của từng ngành/chuyên ngành đào tạo (căn cứ vào chất lượng thí sinh hàng năm);
- Tổng điểm xét tuyển đạt mức tối thiểu theo yêu cầu của Nhà trường.

4. Số lượng tuyển sinh

(Ghi rõ địa chỉ đào tạo; đối với mỗi mã trường trong tuyển sinh lập một bảng theo bảng dưới đây).

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Số lượng	Phương thức tuyển sinh	Ghi chú
1.	7210233A	Biên kịch điện ảnh	7210233	Biên kịch điện ảnh, truyền	15	Phương thức 406	

				hình		(Tổ hợp S00)	
2.	7210233B	Biên tập truyền hình	7210233	Biên kịch điện ảnh, truyền hình	20	Phương thức 406 (Tổ hợp S00)	
3.	7210235A	Đạo diễn điện ảnh	7210235	Đạo diễn điện ảnh, truyền hình	15	Phương thức 406 (Tổ hợp S00)	
4.	7210235B	Đạo diễn truyền hình	7210235	Đạo diễn điện ảnh, truyền hình	15	Phương thức 406 (Tổ hợp S00)	
5.	7210235C	Đạo diễn, sản xuất nội dung số	7210235	Đạo diễn điện ảnh, truyền hình	15	Phương thức 406 (Tổ hợp S00)	
6.	7210236A	Quay phim điện ảnh	7210236	Quay phim	20	Phương thức 406 (Tổ hợp S00)	
7.	7210236B	Quay phim truyền hình	7210236	Quay phim	15	Phương thức 406 (Tổ hợp S00)	
8.	7210301A	Nhiếp ảnh nghệ thuật	7210301	Nhiếp ảnh	20	Phương thức 406 (Tổ hợp S00)	
9.	7210301B	Nhiếp ảnh báo chí	7210301	Nhiếp ảnh	20	Phương thức 406 (Tổ hợp S00)	
10.	7210301C	Nhiếp ảnh truyền thông đa phương tiện	7210301	Nhiếp ảnh	20	Phương thức 406 (Tổ hợp S00)	

11.	7210302A	Công nghệ dựng phim	7210302	Công nghệ điện ảnh, truyền hình	20	Phương thức 406 (Tổ hợp S01)	
12.	7210302B	Âm thanh điện ảnh – truyền hình	7210302	Công nghệ điện ảnh, truyền hình	10	Phương thức 406 (Tổ hợp S01)	
13.	7210406A	Thiết kế mỹ thuật sân khấu	7210406	Thiết kế mỹ thuật sân khấu, điện ảnh	20	Phương thức 406 (Tổ hợp S00)	
14.	7210406B	Thiết kế mỹ thuật điện ảnh	7210406	Thiết kế mỹ thuật sân khấu, điện ảnh	20	Phương thức 406 (Tổ hợp S00)	
15.	7210406C	Thiết kế mỹ thuật hoạt hình	7210406	Thiết kế mỹ thuật sân khấu, điện ảnh	30	Phương thức 406 (Tổ hợp S00)	
16.	7210406D	Thiết kế trang phục nghệ thuật	7210406	Thiết kế mỹ thuật sân khấu, điện ảnh	20	Phương thức 406 (Tổ hợp S00)	
17.	7210406E	Thiết kế đồ họa kỹ xảo	7210406	Thiết kế mỹ thuật sân khấu, điện ảnh	30	Phương thức 406 (Tổ hợp S00)	
18.	7210406F	Nghệ thuật hóa trang	7210406	Thiết kế mỹ thuật sân khấu, điện ảnh	30	Phương thức 406 (Tổ hợp S00)	
19.	7210227A	Đạo diễn âm thanh, ánh sáng sân khấu	7210227	Đạo diễn sân khấu	15	Phương thức 406 (Tổ hợp S00)	
20.	7210227B	Đạo diễn sự kiện lễ hội	7210227	Đạo diễn sân khấu	20	Phương thức 406	

						(Tổ hợp S00)	
21.	7210234	Diễn viên kịch, điện ảnh – truyền hình	7210234	Diễn viên kịch, điện ảnh – truyền hình	60	Phương thức 406 (Tổ hợp S00)	
22.	7210234A	Diễn viên nhạc kịch	7210234	Diễn viên kịch, điện ảnh – truyền hình	18	Phương thức 406 (Tổ hợp S00)	
23.	7210226A	Diễn viên cải lương	7210226	Diễn viên sân khấu kịch hát	15	Phương thức 406 (Tổ hợp S00)	
24.	7210226B	Diễn viên cải chèo	7210226	Diễn viên sân khấu kịch hát	15	Phương thức 406 (Tổ hợp S00)	
25.	7210226C	Diễn viên rối	7210226	Diễn viên sân khấu kịch hát	10	Phương thức 406 (Tổ hợp S00)	
26.	7210226E	Nhạc công kịch hát dân tộc	7210226	Diễn viên sân khấu kịch hát	15	Phương thức 406 (Tổ hợp S00)	
27.	7210243	Biên đạo múa	7210243	Biên đạo múa	10	Phương thức 406 (Tổ hợp S00)	
28.	7210243A	Biên đạo múa đại chúng	7210243	Biên đạo múa	30	Phương thức 406 (Tổ hợp S00)	
29.	7210244	Huấn luyện múa	7210244	Huấn luyện múa	10	Phương thức 406 (Tổ hợp S00)	

30.	7210244A	Huấn luyện múa đại chúng	7210244	Huấn luyện múa	15	Phương thức 406 (Tổ hợp S00)	
-----	----------	--------------------------------	---------	-------------------	----	---------------------------------------	--

5. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh dự tuyển vào cơ sở đào tạo

a. Các điều kiện phụ sử dụng trong xét tuyển

b. Điểm cộng

c. Tiêu chí phân ngành, chương trình đào tạo (CSĐT tuyển sinh theo nhóm ngành)

d. Các thông tin khác:

Hồ sơ đăng ký dự thi bao gồm:

- Túi hồ sơ đăng ký dự thi (gồm 2 phiếu: số 1 và số 2) theo mẫu của Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội phát hành. Mẫu phiếu được đăng công khai trên trang thông tin tuyển sinh của trường tại địa chỉ www.skda.edu.vn

- 04 ảnh 4x6 cm và 02 phong bì đã ghi sẵn địa chỉ báo tin.

- Giấy chứng nhận đối tượng ưu tiên (nếu có).

Chú ý: Hồ sơ do trường phát hành được bán tại phòng Đào tạo, Quản lý khoa học và Hợp tác quốc tế (phòng A2.103), Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội từ ngày 20/4/2026. Trường hợp thí sinh ở xa không có điều kiện về trường mua hồ sơ, có thể in từ trên mạng 2 phiếu ĐKDT, thực hiện kê khai, xin xác nhận theo đúng yêu cầu quy định trong mẫu và gửi chuyển phát nhanh về trường trong thời hạn quy định. Khi về trường làm thủ tục dự thi sẽ thực hiện việc mua túi hồ sơ sau.

Thí sinh phải ghi rõ mã ngành/chuyên ngành (ký hiệu bằng các chữ cái A, B, C, D...) vào phía phải ô mã ngành, in trong hồ sơ đăng ký dự thi.

b. Thí sinh chỉ được chọn dự thi một ngành/chuyên ngành tại trường. Thí sinh đã nộp hồ sơ đăng ký dự thi không được phép rút hồ sơ hoặc chuyển ngành/chuyên ngành.

c. Thí sinh phải đảm bảo tính chính xác của thông tin trong hồ sơ đăng ký dự thi và học bạ THPT. Nhà trường có quyền thay đổi kết quả xét tuyển nếu phát hiện sai sót, nhầm lẫn trong thông tin hồ sơ do thí sinh cung cấp.

d. Thí sinh phải đăng ký nguyện vọng trên cổng thông tin của Bộ Giáo dục và Đào tạo theo yêu cầu.

e. Hồ sơ đăng ký dự thi thí sinh trực tiếp nộp tại Trường Đại học Sân khấu – Điện

ảnh Hà Nội hoặc có thể gửi chuyển phát nhanh về Ban thư ký tuyển sinh, Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội (kèm theo lệ phí).

g. Thời gian trực tiếp nhận hồ sơ đăng ký dự thi tại Trường từ ngày 04/5/2026 đến hết ngày 22/5/2026. Thí sinh nộp hồ sơ đăng ký dự thi qua đường chuyển phát nhanh, căn cứ theo dấu bưu điện trong thời gian trên được xem là hợp lệ. (Thí sinh cần liên hệ với Ban thư ký Tuyển sinh để biết kết quả nộp hồ sơ).

- Thời gian đón tiếp thí sinh: Sáng: 8h30 – 11h30; Chiều: 14h00 – 17h00
(nghỉ ngày thứ 7, Chủ nhật và ngày lễ theo quy định của Nhà nước).

- Nơi nhận hồ sơ: Ban Thư ký tuyển sinh, Phòng A2.101, Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội, khu Văn hoá nghệ thuật, P. Phú Diễn, TP. Hà Nội. Điện thoại: 024.3834.1522

*** Ghi chú:**

- Đối với thí sinh đăng ký dự thi các ngành/chuyên ngành chỉ tổ chức thi 1 vòng: Thí sinh phải nộp học bạ THPT vào ngày tập trung thí sinh.

- Đối với thí sinh đăng ký dự thi các ngành/chuyên ngành tổ chức thi 2 vòng: Thí sinh phải đạt ở vòng sơ tuyển mới được dự thi vòng chung tuyển. Thí sinh nộp học bạ THPT vào ngày công bố kết quả thi sơ tuyển và làm thủ tục thi chung tuyển.

- Nếu không có học bạ THPT đối với các môn văn hóa, thí sinh dù có đạt điểm thi năng khiếu cũng không đủ điều kiện trúng tuyển.

- Đối với những ngành/chuyên ngành không đủ số lượng thí sinh đăng ký dự thi so với chỉ tiêu, Nhà trường có quyền dừng tuyển sinh ngành/chuyên ngành đó. Trường hợp thí sinh đăng ký dự thi các ngành/chuyên ngành bị dừng tuyển sinh, thí sinh được phép chuyển hồ sơ đăng ký dự thi sang một ngành/chuyên ngành khác hoặc rút hồ sơ (được hoàn trả lệ phí kèm theo hồ sơ đã nộp).

- Đối với những thí sinh đã nộp hồ sơ đăng ký dự thi các ngành/chuyên ngành vẫn tuyển sinh, thí sinh không được hoàn trả lệ phí dưới bất kỳ hình thức nào.

- Những trường hợp khác do Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh quyết định.

- Các mốc thời gian có thể thay đổi tùy theo tình hình thực tế.

6. Tổ chức tuyển sinh

Thời gian thi: Dự kiến từ 22/6/2026 đến 28/6/2026.

Hình thức thi: Thí sinh tham gia thi tuyển năng khiếu trực tiếp tại trường.

7. Chính sách ưu tiên

- Đối với các thí sinh được ưu tiên theo đối tượng hay khu vực, mức chênh lệch điểm thực hiện theo Quy chế tuyển sinh trình độ đại học; tuyển sinh trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

- Đối với các thí sinh thuộc chính sách ưu tiên xét tuyển thẳng theo Quy chế tuyển sinh trình độ đại học; tuyển sinh trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non của Bộ Giáo dục và Đào tạo:

+ Thí sinh bắt buộc phải dự thi năng khiếu nếu đăng ký dự thi các ngành/chuyên ngành chỉ tổ chức thi 1 vòng.

+ Thí sinh chỉ được miễn thi vòng sơ tuyển và bắt buộc phải dự thi vòng chung tuyển nếu đăng ký dự thi các ngành/chuyên ngành tổ chức thi 2 vòng.

* Đối với những thí sinh trúng tuyển vào các ngành Biên đạo múa, Huấn luyện múa (kể cả Biên đạo múa đại chúng, Huấn luyện múa đại chúng), Diễn viên sân khấu kịch hát được miễn giảm học phí theo quy định hiện hành.

8. Mức thu dịch vụ tuyển sinh (xét tuyển, thi tuyển)

Thực hiện chế độ thu và sử dụng lệ phí tuyển sinh đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp theo quy chế chi tiêu nội bộ của nhà trường.

9. Cam kết của cơ sở đào tạo đối với thí sinh

Nhà trường thực hiện giải quyết khiếu nại, bảo vệ quyền lợi chính đáng của thí sinh trong những trường hợp rủi ro, giải quyết các trường hợp thí sinh được chuyển đến hoặc chuyển đi do sai sót trong tuyển sinh theo các văn bản hướng dẫn và quy định hiện hành.

10. Các nội dung khác (không trái quy định hiện hành)

11. Thông tin về tuyển sinh của 2 năm gần nhất

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Phương thức tuyển sinh	Năm 2025			Năm 2024			Ghi chú
						Số lượng	Số nhập học	Điểm trúng tuyển/Thang điểm xét	Số lượng	Số nhập học	Điểm trúng tuyển/Thang điểm xét	
1.	7210233A	Biên kịch điện ảnh	7210233	Biên kịch điện ảnh, truyền hình	Phương thức 406 (Tổ hợp S00)	15	15	18.50/30	15	15	18/30	
2.	7210233B	Biên tập truyền hình	7210233	Biên kịch điện ảnh, truyền hình	Phương thức 406 (Tổ hợp S00)	20	19	17/30	20	22	15.5/30	
3.	7210235A	Đạo diễn điện ảnh	7210235	Đạo diễn điện ảnh, truyền hình	Phương thức 406 (Tổ hợp S00)	15	14	18.80/30	15	14	17.5/30	
4.	7210235B	Đạo diễn truyền hình	7210235	Đạo diễn điện ảnh, truyền hình	Phương thức 406 (Tổ hợp S00)	15	8	16.70/30	15	11	16/30	
5.	7210235C	Đạo diễn,	7210235	Đạo diễn	Phương	15	13	17.40/30	15	8	14.5/30	

		sản xuất nội dung số		điện ảnh, truyền hình	thức 406 (Tổ hợp S00)							
6.	7210236A	Quay phim điện ảnh	7210236	Quay phim	Phương thức 406 (Tổ hợp S00)	20	18	19.40/30	20	20	17/30	
7.	7210236B	Quay phim truyền hình	7210236	Quay phim	Phương thức 406 (Tổ hợp S00)	15	14	18.30/30	15	15	15.5/30	
8.	7210301A	Nhiếp ảnh nghệ thuật	7210301	Nhiếp ảnh	Phương thức 406 (Tổ hợp S00)	20	21	17.60/30	20	22	16/30	
9.	7210301B	Nhiếp ảnh báo chí	7210301	Nhiếp ảnh	Phương thức 406 (Tổ hợp S00)	20	9	16.30/30	20	12	14/30	
10.	7210301C	Nhiếp ảnh truyền thông đa phương tiện	7210301	Nhiếp ảnh	Phương thức 406 (Tổ hợp S00)	20	24	19.10/30	20	22	16/30	
11.	7210302A	Công nghệ	7210302	Công	Phương	20	23	16.00/30	20	19	17/30	

		dựng phim		nghệ điện ảnh, truyền hình	thức 406 (Tổ hợp S01)							
12.	7210302B	Âm thanh điện ảnh – truyền hình	7210302	Công nghệ điện ảnh, truyền hình	Phương thức 406 (Tổ hợp S01)	10	10	17.00/30	10	-	-	
13.	7210406A	Thiết kế mỹ thuật sân khấu	7210406	Thiết kế mỹ thuật sân khấu, điện ảnh	Phương thức 406 (Tổ hợp S00)	10	8	18.90/30	10	-	-	
14.	7210406B	Thiết kế mỹ thuật điện ảnh	7210406	Thiết kế mỹ thuật sân khấu, điện ảnh	Phương thức 406 (Tổ hợp S00)	10			10	-	-	
15.	7210406C	Thiết kế mỹ thuật hoạt hình	7210406	Thiết kế mỹ thuật sân khấu, điện ảnh	Phương thức 406 (Tổ hợp S00)	10	15	22.40/30	10	26	20/30	
16.	7210406D	Thiết kế trang phục nghệ thuật	7210406	Thiết kế mỹ thuật sân khấu, điện ảnh	Phương thức 406 (Tổ hợp S00)	10	8	19.20/30	-	-	-	

17.	7210406E	Thiết kế đồ họa kỹ xảo	7210406	Thiết kế mỹ thuật sân khấu, điện ảnh	Phương thức 406 (Tổ hợp S00)	20	18	19.10/30	25	19	20/30	
18.	7210406F	Nghệ thuật hóa trang	7210406	Thiết kế mỹ thuật sân khấu, điện ảnh	Phương thức 406 (Tổ hợp S00)	25	23	21.80/30	30	30	20.5/30	
19.	7210227A	Đạo diễn âm thanh, ánh sáng sân khấu	7210227	Đạo diễn sân khấu	Phương thức 406 (Tổ hợp S00)	15	9	17.80/30	15	9	17/30	
20.	7210227B	Đạo diễn sự kiện lễ hội	7210227	Đạo diễn sân khấu	Phương thức 406 (Tổ hợp S00)	15	20	19.80/30	15	20	20.5/30	
21.	7210234	Diễn viên kịch, điện ảnh – truyền hình	7210234	Diễn viên kịch, điện ảnh – truyền hình	Phương thức 406 (Tổ hợp S00)	40	39	18.20/30	40	39	18/30	
22.	7210234A	Diễn viên nhạc kịch	7210234	Diễn viên kịch,	Phương thức 406 (Tổ hợp	15	13	20.10/30	15	9	17/30	

				điện ảnh – truyền hình	S00)							
23.	7210226A	Diễn viên cải lương	7210226	Diễn viên sân khấu kịch hát	Phương thức 406 (Tổ hợp S00)	-	-	-	10	8	15/30	
24.	7210226B	Diễn viên chèo	7210226	Diễn viên sân khấu kịch hát	Phương thức 406 (Tổ hợp S00)	15	14	17.20/30	15	16	18/30	
25.	7210226C	Diễn viên rối	7210226	Diễn viên sân khấu kịch hát	Phương thức 406 (Tổ hợp S00)	10	8	20.70/30	-	-	-	
26.	7210226E	Nhạc công kịch hát dân tộc	7210226	Diễn viên sân khấu kịch hát	Phương thức 406 (Tổ hợp S00)	10	11	17.60/30	10	10	18/30	
27.	7210243	Biên đạo múa	7210243	Biên đạo múa	Phương thức 406 (Tổ hợp S00)	10	11	18.30/30	10	14	18.5/30	

28.	7210243A	Biên đạo múa đại chúng	7210243	Biên đạo múa	Phương thức 406 (Tổ hợp S00)	30	38	18.10/30	30	32	18/30	
29.	7210244	Huấn luyện múa	7210244	Huấn luyện múa	Phương thức 406 (Tổ hợp S00)	10	5	19.00/30	10	10	18/30	
	TỔNG:					460	427		460	422		

Cán bộ tuyển sinh
(Ghi rõ họ tên, số điện thoại liên hệ, địa chỉ Email)

Họ tên: Phạm Thị Ngọc Anh
Số điện thoại: 0349 713 013
Email: ngocanh.skda@gmail.com

Hà Nội, ngày 06 tháng 02 năm 2026 *Uien*

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



TS. Bùi Như Lai